

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+VSP02	7:25	11+11	0+0		11+11	0+0	
2		BK10+TD3	7:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
3		GTCl+TD2	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
4		TD5+VSP02+RC10	7:25	20+2+0	0+0+0		14+7+1	0+0+0	chuyen2 td5- vsp02
5		RP1	9:25	22	0		22	0	
6		P7+RP3	9:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
7		VSP02+TD3	9:25	17+5	0+0		14+8	0+0	
8		RC5+RCDM	9:25	20+2	0+0		12+10	0+0	
9		RC6+RP1+TD2	11:25	6+6+4	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
10		RP3	11:25	22	0		21	0	
11		RP2+RC5+RC4	11:25	11+3+7	0+0+0		5+7+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày rcdm-7ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2023	TO: RCDM - VSP02	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTrường - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	51,97	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
2	POPOV A	RCDM	56	1	2		78	KH-THAC	Russian
3	YUSUPOV D	RCDM					72	KH-THAC	Russian
4	BAMBUROV E	RCDM	55	1	10		100	KH-THAC	Russian
5	SHETNIKOVE E	RCDM	60	1	5		90	KH-THAC	Russian
6	PHAN VĂN ĐỨC	RCDM	99	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
7	KRAMAENKO V	RCDM				60	72	KH-THAC	Russian
8	CHU MINH HÙNG	RCDM	40	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ MINH HIỀN	RCDM	01	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	55	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	95-96	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	29-30	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	28	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	31-32	2	10	20	72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	27	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN PHÚ	VSP02	26	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH TRƯỜNG PHI	VSP02	21	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	22-24	3	19		57	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	25	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	33	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	GURIN VLADILAV	VSP02	01	1	10		103	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	11	11	56	871	60	11		
2	VSP02	11	14	88	780	20	11		
TOTAL		22	25	144	1.651	80	22		
WEIGHT KG				144	1.651	80			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: GTC1 - TD3	CREW: VThắng - N.Cường - Thành - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN QUANG	GTC1	32-33	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG QUÂN	GTC1	31	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN THƯƠNG	TD3	14-15	2	7		73	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	17	1	9		102	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	16	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
6	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	08-09	2	15		89	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠO TIỀN THIẾT	TD3	13	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH THOẠI	TD3	10-11	2	11		92	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	18	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	12	1	5		48	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	80	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	20	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TIỀN CHUNG	TD3	21	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	25	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TƯ HỢP	TD3	22	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	26-28	3	10	45	70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ QUỐC THÀNH MINH	TD3	06	1	9		85	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DŨ	TD3	19	1	4		64	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD3	07	1	12		70	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD3	02	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HỌC	TD3	29	1	12	15	60	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM TIỀN HẢI	TD3	23-24	2	16	15	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	3	30	156	0	0		01 CO GIOI: PHAN TRUNG THANH
2	TD3	20	26	167	1.472	75	22		
TOTAL		22	29	197	1.628	75	22		
WEIGHT KG				197	1.628	75			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2023	TO: BK10 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG CƯỜNG	BK10	93-94	2	21		71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN TRỌNG TUÔNG	BK10	98	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ BA HÒA	BK10	95	1	20		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK10	97	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK10	96	1	12	44	63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG VŨ	BK10	99,100	2	22		45	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	20	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	18	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
9	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	11	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	16	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	14	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	19	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					62	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN CŨ	TD2	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HỮU HẬU	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	15	1	5		97	KHOAN	Vietnamese
17	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	26-27	2	4	52	57	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ VĂN HÙNG	TD2	21-22	2	7		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	25	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	23-24	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN PHONG	TD2	10	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
22	HUỲNH VĂN THUẬN	TD2	12-13	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	8	93	410	44	0		
2	TD2	16	18	79	1.129	52	22		
TOTAL		22	26	172	1.539	96	22		
WEIGHT KG				172	1.539	96			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: TD5 - VSP02 - RC10	CREW: TTrung - ĐNam - NNam	ETA: 09:35
TRANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRONG HACH	TD5	32	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TAM	TD5	31	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN VINH	TD5	18-19	2	15		92	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BINH	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
5	HA QUOC DUNG	TD5	17	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VINH DUY	TD5	64-65	2	24		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	28	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE TIEN DUONG	TD5	27	1	11		66	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	TD5					89	KHOAN	Vietnamese
10	DAO QUANG DUNG	TD5	26	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VAN LOI	TD5	63	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH THAN	TD5	22-23	2	14		69	PVDWS	Vietnamese
13	MATTHEW SANSONE	TD5	72-73	2	16		83	PVDWS/H	American
14	MUHAMMAD IKHSAN JULINAS	TD5	66-67	2	20		82	PVDWS/H	Indonesia
15	ISRAEL MONTES RODRIGUEZ	TD5	69	1	8		74	HAL/PVDW	Mexican
16	JOSE LUIS LOPEZ PADILLA	TD5	24-25	2	18		100	PVDWS/H	Venezolana
17	SUPAKIT TONGJAM	TD5	20-21	2	22		86	PVDWS/H	Thailand
18	SYED ADZAD BIN SYED AHMAD JAMA	TD5	70-71	2	22		82	PVDWS/H	Malaysia
19	DOAN MANH HOA	TD5	29-30	2	13		65	PVDWS/H	Vietnamese
20	TRINH VAN VUONG	TD5	68	1	5		90	PVDWS	Vietnamese
21	YANDYAN EDUARD	VSP02					85	KH-THAC	Russian
22	NGO DUC TRI	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	27	225	1.518	0	14	2	CHUYEN 2 TD5 - VSP02
2	VSP02	2	0	0	157	0	7		
3	RC10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	27	225	1.675	0	22		
WEIGHT KG				225	1.675	0			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: RP1	CREW: CHIẾN - XTrưởng - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV	RP1	53	1	12		98	KH-THAC	Russian
2	KOROGLUEV R.	RP1	54-55	2	6		75	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	56	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG TUNG	RP1					68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET THANH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN CONG TOAN	RP1	51	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MANH HUNG	RP1	47	1	3	90	82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN MINH HIEU	RP1					59	KH-THAC	Vietnamese
9	TAO QUANG NGAN	RP1	49-50	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUONG VAN MINH	RP1	37	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LY XUAN TRUNG	RP1	41-44	4	19		70	YTE	Vietnamese
12	TRAN VAN CHUONG	RP1	40	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG THE HAI	RP1	39	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	59	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	RP1	52	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	Dinh Van Manh	RP1	58	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG DINH BA	RP1	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN THUY	RP1	35-36	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN SUU	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA QUY	RP1	57	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN NGUYEN XUAN AN	RP1	45-46	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
22	LE NGOC DUNG	RP1	38	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	25	139	1.584	90	22		
TOTAL		22	25	139	1.584	90	22		
WEIGHT KG				139	1.584	90			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P7 - RP3	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 11:50
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	P7	05	1			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG BAI	P7	04	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	P7	07-08	2	18	75	63	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN NGHI	P7	06	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	P7	99,400	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	98	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VOEVODCHENKOV N.	RP3	95	1	3		100	KH-THAC	Russian
8	MAI NGỌC THIẾT	RP3	94	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	85-86	2	23		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI ANH SƠN	RP3	97	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	87	1	6	27	67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	97	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH CÔNG	RP3	96	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3	91	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3	96	1	16		88	KHI	Vietnamese
17	PHẠM MINH TOÀN	RP3	99	1	6		57	YTE	Vietnamese
18	PHAN DUY LONG	RP3	93-94	2	15		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TỰ HAI	RP3				20	65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ANH	RP3	90	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	95	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	5	7	62	328	75	3		
2	RP3	17	18	116	1,212	47	19		
TOTAL		22	25	178	1,540	122	22		
WEIGHT KG				178	1,540	122			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	TO: VSP02 - TD3	CREW: VThắng - N.Cường - Thành -	ETA: 11:45
Coin-2		THỤ	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH THỂ ANH	VSP02	08,22	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	16	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	10	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	09	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	18	1	5		99	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	15	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	14	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	17	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	11	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	19	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	21	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	06	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	07	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	13	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	20	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
17	ROGINSKIY DMITRY	VSP02	53	1	10		110	ANTOAN	Russian
18	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	VSP02	23	1	6		58	PSV	Vietnamese
19	BUI HAI THANH	TD3	90	1	8	97	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	18	19	118	1.383	0	14		Phan Trung Thanh co gioi
2	TD3	1	1	8	69	97	8		
TOTAL		19	20	126	1.452	97	22		
WEIGHT KG				126	1.452	97			

GRAND TOTAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2023	TO: RC5 - RCDM	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - NNam	ETA: 11:55
TRANG-2			

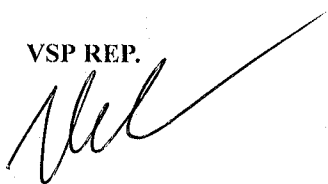
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV V.	RC5	47	1	5		75	KH-THAC	Russian
2	TRINH VAN TIEN	RC5	45	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG MINH KHANH	RC5	89	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TRUNG	RC5	46	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HOANG TUNG	RC5	48	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DUNG	RC5	44	1	20		81	XAYLAP	Vietnamese
7	TRUONG QUANG HOAN	RC5	90-91	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN MANH HUNG	RC5	92-93	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	RC5	29	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
10	CU THE CANH	RC5	87-88	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
11	VO VAN SON	RC5	30-31	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI KHAC SON	RC5	32-33	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI XUAN QUANG	RC5	42-43	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN KHAC BANG	RC5	49	1	13	13	72	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN DOAN DOAN	RC5	34-35	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VAN DUONG	RC5	26	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DINH THANG	RC5	85-86	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
18	DAO NGUYEN DU MAC	RC5	84	1	13	20	65	XAYLAP	Vietnamese
19	DUONG THANH TUAN	RC5	39-40	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
20	VU QUANG DUONG	RC5	37-38	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RCDM	61	1	7	16	68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	01	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

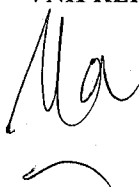
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	20	30	261	1.381	33	12		
2	RCDM	2	2	12	140	16	10		
TOTAL		22	32	273	1.521	49	22		
WEIGHT KG				273	1.521	49			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

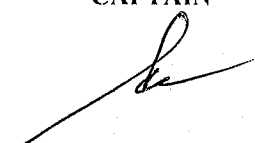
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	TO: TD2 - RC6 - RP1	CREW: Dương - NPhú - Huy	ETA: 14:00
XANH-3			

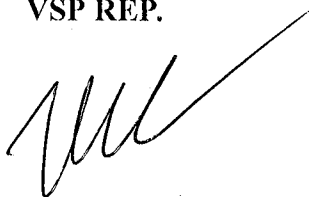
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ HUY HOÀNG	TD2	37	1			81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THIỆU BÌNH	TD2	39-40	2	22		58	DVL	Vietnamese
3	TÔ CÔNG TẠNH	TD2	33	1	4		65	PSV	Vietnamese
4	ĐỖ ĐĂNG THANH	TD2	36	1	8		66	PSV	Vietnamese
5	TRƯƠNG HUY BÌNH	TD2	35	1	11	40	67	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN THIÊN	TD2	31-32	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
7	BUI THAI QUY	TD2	38	1	11		77	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN CHI TÀI	TD2	34	1	6		75	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ ANH	RC6	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	53	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	47	1	5	20	84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	RC6	48	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẦN THÀNH CÔNG	RC6	49	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG THẾ ANH	RC6	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HÌNH NGỌC GIANG	RP1	70-71	2	21		68	XAYLAP	Vietnamese
16	HÀ QUỐC VINH	RP1	66	1	3		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN KHANH CHÂN	RP1	68	1	7		58	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUY	RP1	65	1	9	20	78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HUẤN	RP1	69	1	3		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH GIAU	RP1	67	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	10	74	554	40	7		
2	RC6	6	6	37	436	20	4		
3	RP1	6	7	46	410	20	11		
TOTAL		20	23	157	1,400	80	22		
WEIGHT KG				157	1,400	80			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	TO: RP3	CREW: ĐỨC - KHÁI - D Sơn	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC OANH	RP3	10	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	97	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	80	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	02	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NAM TRUNG	RP3	94	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HUNG	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC HUY	RP3	84	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THANH LONG	RP3	98	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ THĂNG	RP3	81	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	77	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN HIEN	RP3	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THẾ PHONG	RP3	78	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI TRỌNG HAI	RP3	93	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾN	RP3	96	1	14		58	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG DINH CHIEN	RP3	01	1	4		67	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN AN	RP3	79	1	7		79	PSV	Vietnamese
17	BUI VĂN LONG	RP3	99	1	3		68	PSV	Vietnamese
18	TRẦN BA MẠU	RP3	09	1	3		64	PSV	Vietnamese
19	BUI QUỐC DƯƠNG	RP3	95	1	4		54	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỆU	RP3	85	1	3		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	RP3	92	1	5		58	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HOAI	RP3	82	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	21	118	1.489	0	21		
TOTAL		22	21	118	1.489	0	21		
WEIGHT KG				118	1.489	0			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 11	TO: RP2 - RC5 - RC4	CREW: TUYỀN - HTrung - Tú - HIẾU	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY HUU THANG	RP2	40-41	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN DUC NGAN	RP2	38-39	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VIET PHONG LUU	RP2	37	1	19		93	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG TUAN	RP2	50	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN LE	RP2	51-52	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VIET HUNG	RP2	44-45	2	21	17	70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN HUNG	RP2	46-47	2	10		52	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN HUNG	RP2	48-49	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
9	LE ANH DUNG	RP2	53-54	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN MANH HOANG	RP2	42-43	2	21		77	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN QUANG PHUC	RP2	55-56	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN PHUC	RC5	52	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI TRUNG SON	RC5	51	1	5	17	70	PSV	Vietnamese
14	LE MINH KHANG	RC5	53	1	4		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG MINH	RC4	34	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN TUNG	RC4	33	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH DUNG	RC4					77	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HAI ANH	RC4	35	1	13	55	75	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI VAN TUONG	RC4	32	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	11	20	185	793	17	5		Cơ giới : Tăng Văn Tú
2	RC5	3	3	17	208	17	7		
3	RC4	5	4	28	350	55	10		
TOTAL		19	27	230	1.351	89	22		
WEIGHT KG				230	1.351	89			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P1	7:25	16+3	0+0		15+7	0+0	
2		PPD-TD5+TD3	7:25	21+0	0+0		15+7	0+0	CHO HANG XNKHI
3		P6+P4+MRM	9:25	8+7+2	0+0+0		10+7+5	0+0+0	chuyen 2 p6- p4

TTBDSX

MRM

Bay cất cánh p4 trước trưa



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD3 - P1	CREW: HÙNG - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD3	47	1	5		75	YTE	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	39	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ SỸ HÙNG	TD3	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VĂN NGHĨA	TD3	43	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
6	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	46	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	40-41	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	VĂN TUẤN DŨNG	TD3	42	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	44	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NHÂN	TD3	37	1	3	10	70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN TUẤN	TD3	48	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN SƠN HẢI	TD3	38	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐẠT	TD3	53-54	2	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ ANH	TD3	50	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG TRUNG	TD3	51-52	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	P1	31	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN BẠCH	P1	28-29	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HẠNH	P1	30	1	6		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	17	87	1.134	25	15		
2	P1	3	4	24	214	0	7		
TOTAL		19	21	111	1.348	25	22		
WEIGHT KG				111	1.348	25			

GRAND TOAL: 1.484 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2023	TO: PPD - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HOANG LAM	TD5	65	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
2	LUU VAN PHONG	TD5	61	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	73-74	2	11		90	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	53	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	71	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	57	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC DANH	TD5	64	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HOANG BAO AN	TD5	66	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	56	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	58	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGUYỄN	TD5	55	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO QUANG MINH	TD5	67	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN CAO DANH	TD5	70	1	5	42	60	KHOAN	Vietnamese
14	TRỊNH HOANG KHÁNH	TD5	52	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ KIM HAI	TD5	72	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO HOÀI THANH	TD5	69	1	9		75	DVL	Vietnamese
17	ĐO THANH HAI	TD5	68	1	9		68	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD5	54	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HOÀNG	TD5	59-60	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGỌC	TD5	62-63	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG VIỆT DŨNG	TD5	51	1	6		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	0	0	0	0	48	0		
2	TD5	21	24	144	1.464	42	15		
3	TD3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	24	144	1.464	90	22		
WEIGHT KG				144	1.464	90			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: P6 - P4 - MRM	CREW: HUNG - MTHAO - PTUAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN QUYEN	P6	50-51	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
2	LE CONG BANG	P6	64-66	3	17		63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN BA DONG	P6	57-58	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN THANH	P6	72	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HUU PHI	P6	52	1	10	42	63	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC SINH	P6	53-54	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
7	LE DOAN HAI	P6	63	1	7	18	60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN TRUONG	P6	55-56	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC HIEN	P6	68-69	2	14		75	DUYLINH	Vietnamese
10	TRAN NGOC TRUNG	P6	67	1	16		65	DUYLINH	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DAO	P6	70-71	2	11		72	DUYLINH	Vietnamese
12	TRAN VAN TOAN	P6	61	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM NGOC DIEU	P6	59-60	2	16		79	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN DINH CHUONG	P4					65	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ON	P4	96	1	5	25	70	KHI	Vietnamese
16	VU TRONG THAO	P4	99	1	4		62	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HUU TRUNG	P4	94	1	7		57	KHI	Vietnamese
18	LAM VAN VINH A	P4	97-98	2	13		62	KHI	Vietnamese
19	PHAM VAN HAI	P4					63	KHI	Vietnamese
20	PHAN THANH MY	P4	95	1	10		70	KHI	Vietnamese
21	PHAM LE TRUONG SON	MRM	58	1	10		74	HALLIBURTON	Vietnamese
22	LE QUANG TAO	MRM	56-57	2	18		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	13	22	170	896	60	10	2	CHUYEN 2 PAX P6-P4
2	P4	7	6	39	449	25	7		
3	MRM	2	3	28	136	0	5		
TOTAL		22	31	237	1.481	85	22		
WEIGHT KG				237	1.481	85			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2023	TO: MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:45
FLIGHT: CAP CI	FROM: VT	CREW: Duong - NPhú - NNam	ETA: 09:00
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHONG	MRM					69	YTE	Vietnamese
2	SOLOVEV ALEKSEI	MRM				100	124	YTE	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	2	0	0	193	100	13		Tháo dỡ lắp cẩu
TOTAL		2	0	0	193	100	13		
WEIGHT KG				0	193	100			

GRAND TOAL: 293 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN